



Hiệu quả hơn 10-15%!

MASTER PL-C 4 chân

MASTER PL-C là đèn huỳnh quang compact công suất trung bình hiệu suất tốt, thường được dùng trong các thiết bị chiếu sáng chung trong cửa hàng bán lẻ, khách sạn và văn phòng. Công nghệ bắc cầu do Philips sáng chế đảm bảo hiệu suất tối ưu trong chiếu sáng, mang lại ánh sáng dồi dào hơn và hiệu suất cao hơn công nghệ uốn cong ống huỳnh quang. Phiên bản đèn 4 chân được thiết kế để hoạt động kèm bộ điều khiển điện tử HF có tích hợp khởi động nóng và được cung cấp kèm đế cắm/rút.

Lợi ích

- Hiệu suất chiếu sáng tối ưu cho mỗi lần nhấp sáng ngắn hoặc dài
- Lựa chọn màu sắc ánh sáng đa dạng
- Độ hoàn màu tốt (CRI >80)
- Có thể điều chỉnh độ sáng xuống còn 10%

Tính năng

- Đế 4 chân
- Công nghệ huỳnh quang ba phổ màu
- Ít suy giảm độ sáng suốt thời gian sử dụng

Ứng dụng

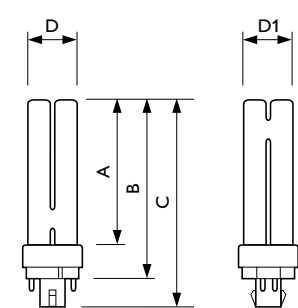
- Được thiết kế nhằm mục đích chiếu sáng chung hoặc chiếu sáng bổ sung trong môi trường chuyên nghiệp hoặc hộ gia đình
- Đèn downlight âm trần, hoặc lắp nổi trên bề mặt, đèn tường, đèn bàn và đèn treo

MASTER PL-C 4 chân

Phiên bản



Bản vẽ kích thước



Product	D (max)	D1 (max)	A (max)	B (max)	C (max)
MASTER PL-C 13W/865/4P 1CT/5X10BOX	27.1 mm	27.1 mm	97.5 mm	117.0 mm	131.9 mm
MASTER PL-C 18W/865/4P 1CT/5X10BOX	27.1 mm	27.1 mm	109.5 mm	128.0 mm	142.9 mm
MASTER PL-C 13W/840/4P 1CT/5X10BOX	27.1 mm	27.1 mm	97.5 mm	117.0 mm	131.9 mm

Phê duyệt và Ứng dụng	
Hàm lượng Thủy ngân (Hg) (Danh định)	1.4 mg
Điều khiển và thay đổi độ sáng	
Tính năng làm mờ	Có
Thông tin chung	
Thời hạn sử dụng đến 50% công năng làm nóng trước (Danh định)	13000 h
Định mức LSF Preheat 2000 giờ	99 %
Định mức LSF Preheat 4000 giờ	98 %
Định mức LSF Preheat 6000 giờ	97 %
Định mức LSF Preheat 8000 giờ	90 %
Nhiệt độ	
Nhiệt độ thiết kế (Danh định)	28 °C

Phê duyệt và Ứng dụng

Order Code	Full Product Name	Tiêu thụ năng lượng kWh/ 1000 h	Nhân hiệu quả năng lượng (EEL)
927907184002	MASTER PL-C 13W/840/4P 1CT/5X10BOX	15 kWh	A
927907186501	MASTER PL-C 13W/865/4P 1CT/5X10BOX	15 kWh	B
927907286501	MASTER PL-C 18W/865/4P 1CT/5X10BOX	20 kWh	B

Thông số vận hành và điện

Order Code	Full Product Name	Cường độ dòng điện bóng đèn (Danh định)	Công suất (Định mức) (Danh định)
927907184002	MASTER PL-C 13W/840/4P 1CT/5X10BOX	0.170 A	13.0 W
927907186501	MASTER PL-C 13W/865/4P 1CT/5X10BOX	0.170 A	13.0 W

Order Code	Full Product Name	Cường độ dòng điện bóng đèn (Danh định)	Công suất (Định mức) (Danh định)
927907286501	MASTER PL-C 18W/865/4P 1CT/5X10BOX	0.230 A	18.0 W

MASTER PL-C 4 chân

Thông tin chung

Order Code	Full Product Name	Đầu đèn-Đế đèn	Order Code	Full Product Name	Đầu đèn-Đế đèn
927907184002	MASTER PL-C 13W/840/4P 1CT/5X10BOX	G24Q-1	927907286501	MASTER PL-C 18W/865/4P 1CT/5X10BOX	G24Q-2
927907186501	MASTER PL-C 13W/865/4P 1CT/5X10BOX	G24Q-1			

Thông số kĩ thuật ánh sáng (1/2)

		Mã		Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số Hoàn Màu (Danh định)			Nhiệt độ màu tương quan (Danh định)	Chỉ số Hoàn Màu (Danh định)
Order Code	Full Product Name	màu	Chỉ định màu			Order Code	Full Product Name	màu	Chỉ định màu
927907184002	MASTER PL-C 13W/ 840/4P 1CT/ 5X10BOX	840	Trắng mát (CW)	4000 K	82	927907286501	MASTER PL-C 18W/ 865/4P 1CT/ 5X10BOX	865	Ánh sáng ban ngày mát
927907186501	MASTER PL-C 13W/ 865/4P 1CT/ 5X10BOX	865	Ánh sáng ban ngày mát	6500 K	80				

Thông số kĩ thuật ánh sáng (2/2)

		Định mức LLMF 2000 giờ	Định mức LLMF 4000 giờ	Định mức LLMF 6000 giờ	Định mức LLMF 8000 giờ	Quang hiệu (định mức) (Danh định)	Quang thông (Danh định)	Quang thông (Định mức) (Danh định)
927907184002	MASTER PL-C 13W/840/4P 1CT/ 5X10BOX	92 %	87 %	83 %	81 %	69 lm/W	925 lm	925 lm
927907186501	MASTER PL-C 13W/865/4P 1CT/ 5X10BOX	90 %	85 %	81 %	77 %	63 lm/W	845 lm	845 lm
927907286501	MASTER PL-C 18W/865/4P 1CT/ 5X10BOX	90 %	85 %	81 %	77 %	62.3 lm/W	1120 lm	1120 lm

